

Bản án số: 07/2022/HNGĐ - PT
Ngày 02 - 8 - 2022
V/v ly hôn, nuôi con và
chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thái Sơn

Ông Trần Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 06/2022/TLPT- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 41/2022/TLST – HNGĐ ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1625/2022/QĐXXPT- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Lệ Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Bá Ng, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đinh Minh X, sinh năm 1946; bà Đinh Thị Thanh Th, sinh năm 1947

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình; ông X có mặt, bà Th vắng mặt (bà Th có đơn đề nghị xử vắng mặt).

+ Ngân hàng A.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H - Phó giám đốc; có mặt

+ Ngân hàng B

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tất Th – Phó giám đốc; vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Bản án dân sự sơ thẩm ly hôn số 41/2022/TLST – HNGĐ ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chị Đinh Thị Lệ Th (viết tắt là nguyên đơn) và anh Đinh Bá Ng (viết tắt là bị đơn) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/4/2009. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày, thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn, bị đơn cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị thừa nhận vợ chồng có 02 con chung Đinh Gia Ph, sinh ngày 14/9/2009 và Đinh Thế H, sinh ngày 03/01/2013; sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi hai con và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, bị đơn chấp nhận theo nguyện vọng của hai con.

Về tài sản chung: Anh chị thừa nhận có 01 ngôi nhà cấp 4 là tài sản chung của vợ chồng và bố mẹ bị đơn xây dựng, theo bị đơn nhà cấp 4 do bố mẹ bị đơn xây dựng, vợ chồng bị đơn có đóng góp một phần. Anh chị thống nhất nhà có giá 230.000.000 đồng và chia đều cho 4 người gồm nguyên đơn, bị đơn và bố mẹ bị đơn.

Về nợ: Anh chị thừa nhận hiện đang nợ Nhân hàng A 480.000.000 đồng và lãi phát sinh; nợ Ngân hàng B 70.000.000 đồng. Nguyên đơn đề nghị người nào sở hữu ngôi nhà thì có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng A; còn nợ Ngân hàng B chia đôi nguyên đơn trả một nửa, bị đơn trả một nửa. Bị đơn đề nghị chia đôi toàn số nợ hai Ngân hàng để trả, trong đó nguyên đơn trả $\frac{1}{2}$, bị đơn trả $\frac{1}{2}$.

Ông Đinh Minh X, bà Đinh Thị Thanh Th trình bày: Ngôi nhà cấp 4 do vợ chồng ông bà xây dựng, có đóng góp của vợ chồng chị Th, anh Ng; ông bà nhất trí ngôi nhà có giá 230.000.000 đồng nếu nguyên đơn, bị đơn ly hôn ông, bà chấp nhận chia nhà thành 04 phần (chị Th, anh Ng và ông, bà mỗi người một phần), về phần của mình sau này ông, bà sẽ cho 02 cháu con của anh Ng, chị Th.

Đại diện Ngân hàng B trình bày: Nguyên đơn, bị đơn vay tại Ngân hàng, tính đến ngày 20/5/2022 còn nợ 70.641.000 đồng (trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng và lãi phát sinh là 641.000 đồng). Nếu nguyên đơn, bị đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nếu người nào sở hữu tài sản thì buộc người đó có nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Ngân hàng A trình bày: Nguyên đơn, bị đơn vay vốn tại Ngân hàng A 500.000.000 đồng vào ngày 09/3/2020, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất và nhà ở mang tên ông Đinh Minh X, bà Đinh Thị Thanh Th. Hiện tại còn nợ gốc 480.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 20/5/2022 là 37.437.370 đồng. Nếu Nguyên đơn, bị đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đầy đủ cả gốc và lãi đảm bảo việc thu hồi vốn cho ngân hàng. Người nào sở hữu tài sản có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng vì liên quan đến tài sản thế chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm ly hôn số 41/2022/TLST – HNGĐ ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 55, 59, 61, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Về tình cảm: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Lệ Th và anh Đinh Bá Ng.

Về con chung: Giao chị Đinh Thị Lệ Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đinh Gia Ph, sinh ngày 14/9/2009, cháu Đinh Thế H, sinh ngày 03/01/2013. Buộc anh Đinh Bá Ng cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Ông Đinh Minh X, bà Đinh Thị Thanh Th, anh Đinh Bá Ng, chị Đinh Thị Lệ Th mỗi người được hưởng giá trị 1/4 của ngôi nhà trị giá 230.000.000 đồng, cụ thể phần của mỗi người là 57.500.000 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Buộc ông Đinh Minh X và bà Đinh Thị Thanh Th thanh toán tiền công sức đóng góp trong ngôi nhà cho anh Đinh Bá Ng số tiền 57.500.000 đồng, thanh toán tiền công sức đóng góp trong ngôi nhà cho chị Đinh Thị Lệ Th số tiền 57.500.000 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Về nợ: Buộc chị Th có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng B số tiền cả gốc và lãi phát sinh là 35.307.000 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm lẻ bảy ngàn đồng) tại khế ước vay vốn số 6600000719626549 và khế ước 6600000719628286 ngày 06/02/2021 và trả nợ cho Ngân hàng A số tiền cả gốc và lãi là 258.718.685 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười tám ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng) tại Hợp đồng số 3806-LAV-202000461 ngày 19/3/2020. Buộc anh Ngọc có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng B số tiền cả gốc và lãi phát sinh là 35.307.000 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm lẻ bảy ngàn đồng) tại khế ước vay vốn số 6600000719626549 và khế ước 6600000719628286 ngày 06/02/2021 và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A số tiền cả gốc và lãi là 258.718.685 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười tám ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng) tại Hợp đồng số 3806-LAV-202000461 ngày 19/3/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên buộc chịu chi phí tố tụng, chịu lãi suất chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho đương sự theo luật định.

Ngày 23 và ngày 26 tháng 5 năm 2022, chị Đinh Thị Lệ Th kháng cáo và kháng cáo bổ sung với nội dung: Yêu bị đơn và ông Đinh Minh X và bà Đinh Thị Thanh Th trả các khoản nợ vay tại Ngân hàng A, yêu cầu tăng tiền nuôi hai con lên mỗi tháng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng; yêu cầu bị đơn trợ cấp khó khăn sau ly hôn 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn không chấp nhận việc kháng cáo của nguyên đơn; đại diện Ngân hàng A yêu cầu Tòa án xem xét buộc các đương sự trả nợ gốc và lãi phát sinh, đảm bảo tài sản đã thế chấp. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn để tăng tiền nuôi con hàng tháng, buộc bị đơn trợ cấp khó khăn cho nguyên đơn; buộc bị đơn trả nợ cho Ngân hàng A, nguyên đơn trả nợ cho Ngân hàng B và buộc nguyên đơn phải bù tiền cho bị đơn trả nợ (mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ tiền nợ Ngân hàng).

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo; căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngày 20 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án số 41/2022/HNGĐ - ST về việc ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung giữa chị Đinh Thị Lệ Th và anh Đinh Bá Ng; ngày 23 và ngày 26 tháng 5 năm 2022 chị Th làm đơn kháng cáo yêu cầu xem xét việc trả nợ Ngân hàng, tăng tiền cấp dưỡng nuôi con và trợ cấp khó khăn sau ly hôn. Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bản án sơ thẩm đã công nhận việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn, nội dung này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về quan hệ con cái: Bản án sơ thẩm giao cho nguyên đơn nuôi hai con chung Đinh Gia Ph và Đinh Thế H, các đương sự không kháng cáo việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con lên mỗi tháng 3 đến 4 triệu đồng thấy: Hai cháu Ph và H đang độ tuổi đi học nên cần nhiều chi phí trong sinh hoạt và học tập, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2 triệu đồng cho hai cháu là chưa đảm bảo điều kiện cho sinh hoạt tối thiểu và học tập của hai cháu. Mặt khác, theo bảng lương do UBND xã X, huyện M nơi bị đơn đang công tác cung cấp thì bị đơn là công chức văn hóa, thông tin xã có tổng thu nhập 6.476.000 đồng; do đó cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn để sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn góp tiền nuôi con mỗi tháng 3 triệu đồng là phù hợp.

[4] Đối với kháng cáo yêu cầu bị đơn và ông Đinh Minh X, bà Đinh Thị Thanh Th trả các khoản nợ vay Ngân hàng thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đại diện Ngân hàng A tại phiên tòa thì nguyên đơn và bị đơn trực tiếp vay tại Ngân hàng A 500.000.000 đồng vào ngày 09/3/2020, hiện tại còn dư nợ gốc 480.000.000 đồng và nợ lãi đến ngày 20/5/2022 là 37.437.370 đồng; nợ Ngân hàng B tính đến ngày 20/5/2022 số tiền 70.641.000 đồng (trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng, nợ lãi 641.000 đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn trình bày năm 2013 nguyên đơn và bị đơn có vay Ngân hàng A 80.000.000 đồng để làm nhà cùng ông X, bà Th, số tiền này được đáo hạn nợ cho đến nay chưa trả nợ, nhưng quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng minh việc vay mượn này chưa trả cho Ngân hàng A nên không có căn cứ để xem xét. Do nguyên đơn không chứng minh được các khoản vay tại Ngân hàng A và Ngân hàng B vào mục đích gì, do đó nguyên đơn, bị đơn có trách nhiệm trả số nợ này.

[5] Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn, bị đơn trả nợ cho Ngân hàng A và Ngân hàng B là có căn cứ, đúng quy định nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi số nợ của Ngân hàng A và Ngân hàng B để buộc nguyên đơn, bị đơn mỗi bên trả $\frac{1}{2}$ số nợ của từng Ngân hàng là chưa đúng quy định, làm ảnh hưởng đến việc xử lý nợ của các đơn vị này. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả nợ cho Ngân hàng A, còn nguyên đơn trả nợ cho Ngân hàng B và buộc nguyên đơn bù trừ tiền để bị đơn trả nợ, cụ thể: Nợ chung tính đến ngày 20/5/2022 là 588.078.000 đồng (trong đó nợ Ngân hàng A cả gốc và lãi là 517.437.000 đồng, nợ Ngân hàng B 70.641.000 đồng), theo đó nguyên đơn phải giao 223.668.000 đồng cho bị đơn trả nợ (sau khi trừ số nợ nguyên đơn trả cho Ngân hàng B).

[6] Ngày 26 tháng 12 năm 2018 ông Đinh Minh X, bà Đinh Thị Thanh Th ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng A để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ cho anh Đinh Bá Ng, chị Đinh Thị Lệ Th vay vốn (bút lục số 14), Tòa án

cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn, bị đơn cùng trả nợ cho Ngân hàng A (mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ) nhưng không tuân giữ nguyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông X, bà Th đối với Ngân hàng A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của anh Ng, chị Th là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[7] Việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn trợ cấp khó khăn sau ly hôn 150.000.000 đồng thấy: Sau khi ly hôn nguyên đơn và hai con không có chỗ ở phải thuê nhà trọ tại trấn Q để sinh sống với chi phí 2.000.000 đồng/tháng (có xác nhận của chính quyền nơi cư trú xác nhận), mặt khác nguyên đơn trình bày thường xuyên đau ốm sau khi sinh và nuôi con; hơn nữa số tiền nguyên đơn được chia trong tài sản chung không đủ để trả nợ cho Ngân hàng; bị đơn thu nhập chính bằng lương công chức hàng tháng, mức lương không cao, còn phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng, việc nguyên đơn yêu cầu trợ cấp 150 triệu đồng là quá cao. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn để buộc bị đơn trợ cấp khó khăn sau ly hôn cho nguyên đơn khoảng 80 đến 100 triệu đồng là phù hợp.

[8] Tại đơn kháng cáo ngày 23 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn yêu cầu định giá lại ngôi nhà để chia, nhưng tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 26 tháng 5 năm 2022 và tại phiên tòa nguyên đơn xin tự nguyện rút nội dung kháng cáo này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Việc, Tòa án cấp sơ thẩm không giao tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 trị giá 230.000.000 đồng cho ông X, bà Thứ sở hữu, nhưng lại buộc ông X, bà Th thanh toán tiền công sức đóng góp cho anh Ng, chị Th mỗi người 57.500.000 đồng tương đương $\frac{1}{4}$ ngôi nhà là thiếu sót.

[9] Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận nên được giảm 50% án phí chia tài sản; ông Đinh Minh X, bà Đinh Thị Thanh Th là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về phần tài sản được chia và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tiết 4 điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của chị Đinh Thị Lệ Th đối với Bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ - ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình để sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Xử, giao chị Đinh Thị Lệ Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Đinh Gia Ph, sinh ngày 14/9/2009 và Đinh Thế H, sinh ngày 03/01/2013. Buộc anh Đinh Bá Ng nộp tiền nuôi con cho chị Th mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng), kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

3. Giao cho cho ông Đinh Minh X, bà Đinh Thị Thanh Th được sở hữu 01 nhà cấp 4 trị giá 230.000.000 đồng nhưng ông X, bà Th có nghĩa vụ trả cho chị Đinh Thị Lệ Th và anh Đinh Bá Ng mỗi người 57.500.000 đồng.

4. Về nợ: Buộc anh Đinh Bá Ng trả cho Ngân hàng A 517.437.000 đồng (tiền gốc 480.000.000 đồng, tiền lãi 37.437.370 đồng) và lãi suất phát sinh sau ngày 20/5/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc; giữ nguyên hợp đồng thế chấp số LCL 26122018 – NT/HĐTC ngày 26/12/2018 ký kết giữa ông Đinh Minh X, bà Đinh Thị Thanh Th và Ngân hàng A để thực hiện nghĩa vụ của anh Đinh Bá Ng. Buộc chị Đinh Thị Lệ Th trả cho Ngân hàng B 70.641.000 đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 20/5/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc.

5. Buộc chị Đinh Thị Lệ Th phải giao cho anh Đinh Bá Ng 223.668.000 đồng (hai trăm hai ba triệu, sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tiền chênh lệch trả nợ Ngân hàng.

5. Buộc anh Đinh Bá Ng phải trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn cho chị Đinh Thị Lệ Th 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ tình cảm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về án phí: Chị Đinh Thị Lệ Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 1.437.000 đồng án phí chia tài sản, được 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000507 ngày 14/10/2021 và Biên lai số 0000600 ngày 30/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa; chị Đinh Thị Lệ Th còn phải nộp 1.137.000 đồng án phí. Anh Đinh Bá Ng phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ và 2.875.000 đồng án phí chia tài sản. Ông Đinh Minh X, bà Đinh Thị Thanh Th không phải chịu án phí chia tài sản.

Tuyên bố: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Riêng các khoản nợ Ngân hàng thì các được sự phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 02/8/2022.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- CCTHADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa